Ký bởi: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
Email: hpnet@haiphong.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Ngày ký: 24-04-2026 09:39:16 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hải Phòng

Số 28 Ngày 24 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

20/04/2026	Nghị quyết 01/2026/NQ-HĐND: NGHỊ QUYẾT Quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng đối với mặt hàng lỏng (xăng, dầu, khí)	3
20/04/2026	Nghị quyết 02/2026/NQ-HĐND: Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Hải Phòng	6
20/04/2026	Nghị quyết 03/2026/NQ-HĐND: Quy định mức thu học phí năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng	12
20/04/2026	Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐND: Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030	15
20/04/2026	Nghị quyết 05/2026/NQ-HĐND: Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng	20
20/04/2026	Nghị quyết 06/2026/NQ-HĐND: Nghị quyết quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng	25

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

20/04/2026	Nghị quyết 09/NQ-HĐND: Nghị quyết về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031	29
20/04/2026	Nghị quyết 11/NQ-HĐND: Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026 (vốn nước ngoài đưa vào cân đối ngân sách trung ương)	37
20/04/2026	Nghị quyết 12/NQ-HĐND: Thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2026	39
20/04/2026	Nghị quyết 13/NQ-HĐND: Về việc dừng chủ trương đầu tư Dự án: Trụ sở làm việc Khối các sở, ban, ngành của tỉnh thuộc Khu hành chính tập trung tỉnh Hải Dương	57
20/04/2026	Nghị quyết 14/NQ-HĐND: Bãi bỏ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (trước hợp nhất)	59
20/04/2026	Nghị quyết 15/NQ-HĐND: Ban hành Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội	61
20/04/2026	Nghị quyết 16/NQ-HĐND: Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê	64
20/04/2026	Nghị quyết 18/NQ-HĐND: Nghị quyết Về việc thống nhất giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh là cơ quan chủ quản thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp cầu Đá Bạc trên tuyến Quốc lộ 10	66
20/04/2026	Nghị quyết 19/NQ-HĐND: Về việc điều chỉnh, bổ sung Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026 (lần 3 sau hợp nhất)	68
20/04/2026	Nghị quyết 20/NQ-HĐND: Thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021 - 2030	73

CƠ QUAN KHÁC

20/04/2026	Nghị quyết 10/NQ-HĐND: Điều chỉnh, bổ sung (lần 1) Kế hoạch đầu tư công năm 2026	77

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:01 /2026/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày* 20 *tháng* 4 *năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng đối với mặt hàng lỏng (xăng, dầu, khí)

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng về việc áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay trong trường hợp cần thiết vì lợi ích quốc gia.

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-KTNS ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng đối với mặt hàng lỏng (xăng, dầu, khí).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng đối với mặt hàng lỏng (xăng, dầu, khí).

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng đối với mặt hàng lỏng (xăng, dầu, khí).

Điều 2. Mức thu phí

Mức thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng đối với mặt hàng lỏng (xăng, dầu, khí) là 0 đồng.

Đối với các mặt hàng lỏng khác (không phải là xăng, dầu, khí) giữ nguyên mức thu phí được quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Uỷ ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Các Đại biểu HĐND TP khóa XVII;
- Các VP: TU, ĐĐBQH & HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số:02 /2026/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định tỷ lệ chi phí quản lý thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2025;

Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện công tác quản lý, chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

2

Điều 2. Tỷ lệ chi phí quản lý

1. Tại thành phố: Tỷ lệ phân bổ chi phí quản lý là 0,22% của tổng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng toàn thành phố (trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ).

2. Tại cấp xã: Tỷ lệ phân bổ chi phí quản lý của tổng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được giao cho cấp xã (trừ kinh phí hỗ trợ chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ) (chi tiết quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp cấp xã có sự tăng hoặc giảm về số lượng đối tượng quản lý hoặc quy mô kinh phí thì áp dụng hệ số tương ứng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khoá XVII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế các bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND TP, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVII;
- Các Ban HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, truyền hình HP;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

3

PHỤ LỤC

Tỷ lệ chi phí quản lý thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Hải Phòng (tại cấp xã)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02 2026/NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Xã, phường, đặc khu	Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng tại xã năm 2026 *(triệu đồng/năm)*	Dự kiến kinh phí quản lý được sử dụng năm 2026 *(triệu đồng/năm)*	Hệ số H1	Hệ số H2	Hệ số H3	Tỷ lệ chi phí quản lý (%)
1.	phường Nguyễn Đại Năng	8.501,1	150	0	0,1	0,1	1,76%
2.	Đặc khu Cát Hải	9.583,4	212,5	0,5	0,1	0,1	2,22%
3.	phường Dương Kinh	9.841,5	150	0	0,1	0,1	1,52%
4.	phường Nguyễn Trãi	5.646,6	212,5	0,5	0,1	0,1	3,76%
5.	phường Tứ Minh	10.379,3	187,5	0	0,1	0,4	1,81%
6.	xã Quyết Thắng	10.909,8	187,5	0	0,1	0,4	1,72%
7.	xã Kiến Hưng	12.835,8	225	0	0,4	0,4	1,75%
8.	xã Việt Khê	13.134,6	225	0	0,4	0,4	1,71%
9.	xã Kiến Minh	13.190,4	187,5	0	0,1	0,4	1,42%
10.	phường Đồ Sơn	13.203,6	225	0	0,4	0,4	1,70%
11.	phường Hòa Bình	13.303,0	225	0	0,4	0,4	1,69%
12.	phường Đông Hải	13.489,4	225	0	0,4	0,4	1,67%
13.	phường Kinh Môn	13.577,3	225	0	0,4	0,4	1,66%
14.	phường Thiên Hương	13.838,4	225	0	0,4	0,4	1,63%
15.	phường Hưng Đạo	13.998,9	225	0	0,4	0,4	1,61%
16.	xã Chấn Hưng	14.083,2	225	0	0,4	0,4	1,60%
17.	phường Bạch Đằng	14.253,5	225	0	0,4	0,4	1,58%
18.	xã Vĩnh Thuận	14.391,7	225	0	0,4	0,4	1,56%
19.	xã Hùng Thắng	14.748,1	225	0	0,4	0,4	1,53%
20.	phường Phạm Sư Mạnh	17.245,8	225	0	0,4	0,4	1,30%
21.	phường An Phong	15.538,5	225	0	0,4	0,4	1,45%
22.	xã An Thành	15.681,4	225	0	0,4	0,4	1,43%
23.	phường Nam Đồng	17.534,8	225	0	0,4	0,4	1,28%
24.	xã Thái Tân	17.558,0	225	0	0,4	0,4	1,28%
25.	xã Thanh Hà	17.643,8	225	0	0,4	0,4	1,28%
26.	xã Tân An	17.710,4	225	0	0,4	0,4	1,27%
27.	phường Ái Quốc	17.788,5	225	0	0,4	0,4	1,26%
28.	phường Thạch Khôi	16.156,6	225	0	0,4	0,4	1,39%
29.	phường Trần Nhân Tông	16.338,0	225	0	0,4	0,4	1,38%
30.	xã Hợp Tiến	18.486,8	225	0	0,4	0,4	1,22%
31.	xã Hà Nam	18.509,0	225	0	0,4	0,4	1,22%
32.	xã An Quang	16.646,0	225	0	0,4	0,4	1,35%
33.	xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	18.618,1	225	0	0,4	0,4	1,21%
34.	xã Cẩm Giàng	16.766,9	225	0	0,4	0,4	1,34%
35.	xã Vĩnh Thịnh	18.858,6	225	0	0,4	0,4	1,19%
36.	phường Chí Linh	16.972,6	225	0	0,4	0,4	1,33%

37.	xã An Trường	17.094,7	225	0	0,4	0,4	1,32%
38.	phường Nam Đồ Sơn	17.105,5	225	0	0,4	0,4	1,32%
39.	phường Trần Liễu	17.161,2	225	0	0,4	0,4	1,31%
40.	phường Nhị Chiểu	19.148,0	225	0	0,4	0,4	1,18%
41.	phường Bắc An Phụ	17.287,1	225	0	0,4	0,4	1,30%
42.	xã An Hưng	17.358,0	225	0	0,4	0,4	1,30%
43.	phường Lê Ích Mộc	19.367,7	225	0	0,4	0,4	1,16%
44.	phường Việt Hòa	19.386,3	225	0	0,4	0,4	1,16%
45.	xã Nam An Phụ	19.506,0	225	0	0,4	0,4	1,15%
46.	phường Nam Triệu	19.526,8	225	0	0,4	0,4	1,15%
47.	xã Nguyên Giáp	19.870,3	225	0	0,4	0,4	1,13%
48.	phường An Hải	20.055,3	237,5	0	0,4	0,5	1,18%
49.	xã Nghi Dương	20.074,2	237,5	0	0,4	0,5	1,18%
50.	xã An Khánh	18.067,7	225	0	0,4	0,4	1,25%
51.	xã Lạc Phượng	20.926,2	237,5	0	0,4	0,5	1,13%
52.	xã Kiến Thụy	20.986,2	237,5	0	0,4	0,5	1,13%
53.	xã Yết Kiêu	21.659,7	237,5	0	0,4	0,5	1,10%
54.	xã Tân Minh	21.675,8	237,5	0	0,4	0,5	1,10%
55.	phường Thủy Nguyên	21.700,8	237,5	0	0,4	0,5	1,09%
56.	xã Thượng Hồng	21.778,8	237,5	0	0,4	0,5	1,09%
57.	phường Lê Đại Hành	22.025,7	237,5	0	0,4	0,5	1,08%
58.	xã Mao Điền	22.292,4	237,5	0	0,4	0,5	1,07%
59.	xã Kiến Hải	22.344,9	237,5	0	0,4	0,5	1,06%
60.	xã Vĩnh Hòa	22.517,2	237,5	0	0,4	0,5	1,05%
61.	xã Hải Hưng	22.561,7	237,5	0	0,4	0,5	1,05%
62.	xã Hà Tây	22.575,6	237,5	0	0,4	0,5	1,05%
63.	xã Tuệ Tĩnh	22.682,8	237,5	0	0,4	0,5	1,05%
64.	xã Khúc Thừa Dụ	22.712,9	237,5	0	0,4	0,5	1,05%
65.	xã Tiên Minh	23.122,7	237,5	0	0,4	0,5	1,03%
66.	xã Hà Bắc	23.170,6	237,5	0	0,4	0,5	1,03%
67.	xã Hồng Châu	23.585,7	237,5	0	0,4	0,5	1,01%
68.	phường Tân Hưng	23.976,7	237,5	0	0,4	0,5	0,99%
69.	phường Hồng An	24.301,5	237,5	0	0,4	0,5	0,98%
70.	phường Lưu Kiếm	24.714,4	237,5	0	0,4	0,5	0,96%
71.	xã Đường An	25.025,0	237,5	0	0,4	0,5	0,95%
72.	phường Hải Dương	25.533,3	237,5	0	0,4	0,5	0,93%
73.	xã Cẩm Giang	25.667,0	237,5	0	0,4	0,5	0,93%
74.	xã Kẻ Sặt	25.787,3	237,5	0	0,4	0,5	0,92%
75.	xã An Phú	25.939,0	237,5	0	0,4	0,5	0,92%
76.	phường Phù Liễn	26.221,4	237,5	0	0,4	0,5	0,91%
77.	xã Trường Tân	26.474,0	237,5	0	0,4	0,5	0,90%
78.	xã Bình Giang	26.849,4	237,5	0	0,4	0,5	0,88%
79.	xã Gia Phúc	27.458,4	237,5	0	0,4	0,5	0,86%
80.	xã Kim Thành	27.564,6	237,5	0	0,4	0,5	0,86%
81.	phường Trần Hưng Đạo	27.726,4	237,5	0	0,4	0,5	0,86%
82.	xã Vĩnh Am	27.804,8	237,5	0	0,4	0,5	0,85%
83.	xã Phú Thái	27.983,5	237,5	0	0,4	0,5	0,85%
84.	xã Vĩnh Lại	28.171,8	237,5	0	0,4	0,5	0,84%
85.	xã Nam Sách	28.256,1	237,5	0	0,4	0,5	0,84%
86.	xã Lai Khê	28.559,8	237,5	0	0,4	0,5	0,83%
87.	xã An Lão	28.573,1	237,5	0	0,4	0,5	0,83%

88.	xã Tiên Lãng	28.625,2	237,5	0	0,4	0,5	0,83%
89.	xã Nam Thanh Miện	28.828,3	237,5	0	0,4	0,5	0,82%
90.	xã Hà Đông	28.887,1	237,5	0	0,4	0,5	0,82%
91.	xã Nguyễn Lương Bằng	29.239,4	237,5	0	0,4	0,5	0,81%
92.	xã Tân Kỳ	29.351,2	250	0	0,5	0,5	0,85%
93.	phường Thành Đông	29.367,5	237,5	0	0,4	0,5	0,81%
94.	phường Kiến An	29.730,8	250	0	0,5	0,5	0,84%
95.	xã Chí Minh	29.792,8	250	0	0,5	0,5	0,84%
96.	xã Ninh Giang	30.143,4	250	0	0,4	0,6	0,83%
97.	xã Bắc Thanh Miện	30.335,0	262,5	0	0,5	0,6	0,87%
98.	phường An Dương	30.379,5	262,5	0	0,5	0,6	0,86%
99.	phường Ngô Quyền	31.328,3	262,5	0	0,5	0,6	0,84%
100.	phường Hải An	31.367,6	262,5	0	0,5	0,6	0,84%
101.	xã Trần Phú	32.382,0	262,5	0	0,5	0,6	0,81%
102.	xã Đại Sơn	33.012,8	262,5	0	0,5	0,6	0,80%
103.	xã Tứ Kỳ	33.376,7	262,5	0	0,5	0,6	0,79%
104.	phường Chu Văn An	33.673,1	262,5	0	0,5	0,6	0,78%
105.	xã Gia Lộc	35.198,5	262,5	0	0,5	0,6	0,75%
106.	phường Hồng Bàng	44.847,4	275	0	0,6	0,6	0,61%
107.	phường Lê Thanh Nghị	36.881,8	262,5	0	0,5	0,6	0,71%
108.	xã Thanh Miện	46.997,5	275	0	0,6	0,6	0,59%
109.	xã Vĩnh Bảo	37.869,5	262,5	0	0,5	0,6	0,69%
110.	phường Lê Chân	47.411,5	275	0	0,6	0,6	0,58%
111.	phường Gia Viên	39.258,6	262,5	0	0,5	0,6	0,67%
112.	xã Vĩnh Hải	39.430,3	262,5	0	0,5	0,6	0,67%
113.	phường An Biên	41.410,3	262,5	0	0,5	0,6	0,63%

Trong đó:

a) Hệ số H1 là hệ số điều chỉnh theo vị trí địa lý:

- Các xã vùng Hải Đảo: H1 = 0,5.

- Các xã có dân tộc thiểu số và miền núi: H1 = 0,5.

- Các xã còn lại: H1 = 0.

b) Hệ số H2 là hệ số điều chỉnh theo quy mô đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng được xác định tại thời điểm 01/01 hằng năm:

- Các xã có dưới 300 đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng: H2 = 0,1.

- Các xã có từ 300 đến dưới 700 đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng: H2 = 0,4.

- Các xã có từ 700 đến dưới 1.000 đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng: H2 = 0,5.

- Các xã có từ 1.000 đối tượng trở lên hưởng trợ cấp hằng tháng: H2 = 0,6.

c) Hệ số H3 là hệ số theo quy mô kinh phí chi trợ cấp ưu đãi thường xuyên:

- Các xã được giao kinh phí chi trợ cấp ưu đãi thường xuyên dưới 10 tỷ đồng/năm: H3 = 0,1.

6

- Các xã được giao kinh phí chi trợ cấp ưu đãi thường xuyên từ 10 tỷ đồng/năm đến dưới 20 tỷ đồng/năm: H3 = 0,4.

- Các xã được giao kinh phí chi trợ cấp ưu đãi thường xuyên từ 20 tỷ đồng/năm đến dưới 30 tỷ đồng/năm: H3 = 0,5.

- Các xã được giao kinh phí chi trợ cấp ưu đãi thường xuyên từ 30 tỷ đồng/năm trở lên: H3 = 0,6.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:03 /2026/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu học phí năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 78 /TTr-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên;

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên;

c) Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Mức thu học phí

1. Mức thu học phí năm học 2025 - 2026 (gồm hình thức học trực tiếp và trực tuyến)

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

TT	Cấp học	Mức học phí
1	Mầm non	1.050
2	Tiểu học	1.000
3	Trung học cơ sở	1.100
4	Trung học phổ thông	1.250

2. Thời gian thực hiện

Thời gian thu học phí học năm học 2025-2026 tối đa là 09 tháng/năm học và được áp dụng từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt mức thu học phí năm học 2024-2025 tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Uỷ ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Uỷ ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP khoá XVII;
- Các VP: TU, ĐĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo HP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:04 /2026/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 46/2014/QH15 và Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLDDTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

Căn cứ Thông tư số 25/2025/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận từ năm 2025 đến năm 2030 hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng hằng tháng từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận từ năm 2025 đến năm 2030 không có thu nhập hằng tháng (tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và các khoản trợ cấp khác từ ngân sách nhà nước) thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo quy định tại Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp.

b) Người mắc bệnh hiểm nghèo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2024/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo. Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

c) Trẻ em thuộc hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận giai đoạn 2026-2030.

d) Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất được hưởng chính sách hỗ trợ cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.

đ) Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên thuộc một trong các trường hợp sau:

Không có vợ, chồng, con (bao gồm cả các trường hợp: có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn; có vợ, chồng, con nhưng những người này đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật).

Có vợ hoặc chồng và không có con (bao gồm cả trường hợp có con nhưng con đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật).

Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp: đang hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng hằng tháng tại cộng đồng; đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; con dưới 18 tuổi; con từ đủ 18 tuổi đến không quá 22 tuổi đang trong thời gian học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất; thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Hỗ trợ thu nhập hằng tháng

1. Hỗ trợ thêm hằng tháng cho các đối tượng tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này (ngoài phần kinh phí trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng hằng tháng từ ngân sách nhà nước) để đảm bảo tổng kinh phí hỗ trợ bằng mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030 do Chính phủ quy định, cụ thể như sau:

a) Năm 2026 là 2.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị *(phường)* và 1.500.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn *(xã và đặc khu)*.

b) Từ năm 2027 đến năm 2030 là 2.800.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị *(phường)* và 2.200.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn *(xã và đặc khu)*.

Trong thời gian thực hiện chính sách, các đối tượng thuộc khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng hỗ trợ thêm hằng tháng mà không còn được hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội từ ngân sách nhà nước thì được hỗ trợ 100% mức thu nhập quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

2. Hỗ trợ hằng tháng cho các đối tượng tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này bằng mức thu nhập quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

3. Thời gian được hưởng chính sách: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 4. Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế

Người thuộc hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận từ năm 2025 đến năm 2030 được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định. Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Do ngân sách thành phố bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính, Nội vụ, Y tế, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế các bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Y tế, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND TP, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, truyền hình HP;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Văn Hiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:05 /2026/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày* 20 *tháng* 4 *năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-PC ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí

1. Mức chi quy định tại Nghị quyết này là cơ sở để các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng và là mức chi để thanh toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Việc quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 3. Tổng mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Tổng mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Loại văn bản	Văn bản mới, thay thế	Văn bản sửa đổi, bổ sung từ 02 văn bản trở lên	Văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản	Văn bản bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ
1.	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố	250	250	150	75
2.	Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố	100	100	60	30
3.	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố	50	50	30	15
4.	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	30	30	18	9
5.	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	20	20	12	6

Điều 4. Nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố

1. Đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố trình

a) Mức chi cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại văn bản	Tổng mức chi (100%)	Mức chi		
		Xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình (60%)	Thẩm tra (30%)	Thông qua (10%)
Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành	250	150	75	25
Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên	250	150	75	25
Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết	150	90	45	15
Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết (không phân biệt việc bãi bỏ 01 Nghị quyết hay nhiều Nghị quyết)	75	45	22,5	7,5

b) Căn cứ nội dung chi, mức chi xây dựng, soạn thảo, thẩm định, trình tại điểm a khoản này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quy định nhiệm vụ, hoạt động, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động.

c) Căn cứ nội dung chi, mức chi thẩm tra, thông qua tại điểm a khoản này, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quy định nhiệm vụ, hoạt động, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động.

2. Đối với văn bản quy phạm pháp luật do các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố trình

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi, mức chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng, trình ban hành dự thảo Nghị quyết.

Điều 5. Nội dung chi và mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Căn cứ tổng mức chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quy định nội dung chi và mức chi cho từng hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với:

a) Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Căn cứ tổng mức chi quy định tại Điều 3 Nghị quyết này, Hội đồng nhân dân cấp xã quy định nội dung chi và mức chi cho từng hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 6. Nguồn kinh phí và phương thức thực hiện thanh toán

1. Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

2. Việc thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố đã hoàn thành việc xây dựng và trình ban hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực mà chưa thực hiện thanh, quyết toán kinh phí, các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để thực hiện thanh, quyết toán kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, Kỳ họp Nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Các Đại biểu HĐND TP khóa XVII;
- Các VP: TU, ĐĐBQH & HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TTĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Văn Hiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:06 /2026/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP; số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ các thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 sửa đổi Thông tư số 40/2017/TT-BTC; số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành nghị quyết quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Những nội dung không được quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo

quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho công tác đào tạo công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Thông tư số 100/2025/TT-BTC).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hải Phòng.

2. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố.

3. Cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 3. Quy định một số mức chi cụ thể cho công tác bồi dưỡng công chức trên địa bàn thành phố

1. Mức chi tiền công giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng:

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư Thành ủy, Thứ trưởng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và các chức danh tương đương thuộc nhóm II, III - Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị (đang công tác hoặc đã nghỉ chế độ theo quy định); giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia cao cấp, tiến sĩ: 4.000.000 đồng/người/buổi.

b) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố, Cục trưởng, Phó Cục trưởng, Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng, Viện trưởng, Phó Viện trưởng thuộc Bộ và các chức danh tương đương thuộc bậc 1, 2, 3 nhóm IV - Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị (đang công tác hoặc đã nghỉ chế độ theo quy định); giảng viên cao cấp: 3.500.000 đồng/người/buổi.

c) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; cấp trưởng, cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị

sự nghiệp trực thuộc Thành uỷ, các ban của Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các chức danh thuộc bậc 2, 3, 4, 5 nhóm II - Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị thành phố ban hành kèm theo Quy định số 72-QĐ/TU ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng (đang công tác hoặc đã nghỉ chế độ theo quy định): 3.000.000 đồng/người/buổi.

d) Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và thành phố (ngoài đối tượng nêu tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này); chuyên gia, người có kinh nghiệm trong các lĩnh vực: 2.000.000 đồng/người/buổi.

đ) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị cấp xã và tương đương: 1.000.000 đồng/người/buổi.

e) Trợ giảng (nếu có): mức chi bằng 50% mức chi cho giảng viên, báo cáo viên được trợ giảng.

2. Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng: 300.000 đồng/ngày đối với các lớp tổ chức tại các xã, phường; 400.000 đồng/ngày đối với các lớp tổ chức tại đặc khu Cát Hải và Bạch Long Vĩ.

3. Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: 400.000 đồng/học viên.

4. Chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng: Được phép trích tối đa không quá 10% trên tổng kinh phí của mỗi lớp học và được tính trong phạm vi nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được phân bổ để chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng.

Điều 4. Mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập; căn cứ mức chi cho công tác bồi dưỡng đối với công chức quy định tại Điều 3 Nghị quyết này; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, dự toán và triển khai trước ngày Nghị

quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo mức chi và chế độ quy định tại văn bản đang áp dụng tại thời điểm phê duyệt.

Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng chưa tổ chức thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố theo đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách thành phố Hải Phòng;

b) Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức chi phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBND thành phố;
- Đoàn ĐBQH Hải Phòng;
- Uỷ ban MTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Các Đại biểu HĐND khóa XVII;
- VP: TU, ĐĐBQH&HĐND, UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TTĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu HSKH.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:09 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2025/QBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13/3/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Xét Tờ trình số 02/TTr-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, gồm các nội dung cụ thể như sau:

1. Số lượng, thời gian tổ chức các kỳ họp

Tổ chức 02 kỳ họp thường lệ năm 2026:

- Kỳ họp thường lệ giữa năm dự kiến tổ chức vào đầu tháng 7 năm 2026.

- Kỳ họp thường lệ cuối năm dự kiến tổ chức vào đầu tháng 12 năm 2026.

2. Nội dung: Có Kế hoạch kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các VP: QH, CP;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- UBMTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVII;
- VP: TUy, Đoàn ĐBQH-HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Văn Hiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH
Tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031

(*Ban hành kèm theo Nghị quyết số* 09 */NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố*)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 1563/HD-UBTVQH15 ngày 13/3/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bảo đảm thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành; tạo sự thống nhất, đồng bộ, chủ động trong hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan liên quan trong chuẩn bị nội dung trình các kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố trong năm 2026 bảo đảm chất lượng, hiệu quả, khả thi; kịp thời giải quyết các vấn đề quan trọng của thành phố, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của cử tri và Nhân dân thành phố.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, địa phương, đơn vị căn cứ nội dung kế hoạch và chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động chuẩn bị nội dung các kỳ họp bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đúng tiến độ, phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan trong việc chuẩn bị nội dung các kỳ họp theo quy định pháp luật.

II. NỘI DUNG

1. Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026

1.1. Xem xét, quyết nghị các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố:

(1) Quy định về lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(2) Miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa và dự án phi lợi nhuận trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(3) Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026.

(4) Việc hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh năm 2026.

(5) Quy định mức hỗ trợ chi phí chuyển trả kết quả, hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân qua hệ thống Bưu chính công ích khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(6) Phê duyệt Chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng hoàn thiện đường vành đai I khu vực Tây Hải Phòng.

(7) Quy định tiêu chí đối với người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc tại doanh nghiệp có trụ sở chính trong Khu Thương mại tự do thành phố Hải Phòng.

(8) Quy định nội dung, mức tặng quà của thành phố hằng năm tới các đối tượng chính sách nhân dịp Tết nguyên đán; ngày thương binh, liệt sĩ 27/7; ngày quốc khánh 2/9 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(9) Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030.

(10) Quy định về nội dung và mức chi thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030.

(11) Đặt tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(12) Quy định nội dung, mức chi quản lý và thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng.

(13) Thông qua danh mục các dự án, công trình phải thu hồi trên địa bàn thành phố.

(14) Thông qua danh mục các Dự án tổ chức thực hiện trước điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội.

(15) Thông qua danh mục các vị trí, khu đất được tổ chức thực hiện trước điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Nghị quyết 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội.

(16) Bãi bỏ Nghị quyết 06/2016/NQ-HĐND ngày 29/3/2016 về nhiệm vụ, giải pháp thu hồi diện tích đất đã giao, cho thuê không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền, chậm đưa vào sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích gây lãng phí tài nguyên đất.

(17) Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí hủy, phá dỡ tàu cá, chuyển đổi nghề và thay thế, nâng cấp thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030.

(18) Quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai, tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai trên địa bàn thành phố.

(19) Xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030.

(20) Hỗ trợ di dời khẩn cấp đối với các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng nhà tại các chung cư cũ nguy hiểm và hỗ trợ tiền thuê nhà tại các chung cư thuộc tài sản công trên địa bàn thành phố Hải Phòng (thay thế cho Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND).

(21) Quy định mức hỗ trợ đối với công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(22) Quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

1.2. Xem xét các báo cáo:

(1) Các báo cáo cáo công tác 06 tháng đầu năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, Thi hành án dân sự thành phố, Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vỹ.

(2) Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của HĐND thành phố năm 2025.

(3) Các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về: kinh tế - xã hội; thực hiện dự toán ngân sách nhà nước; công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo và trả

lời ý kiến, kiến nghị của cử tri.

(4) Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

(5) Nghe thông báo của Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam thành phố về công tác tham gia xây dựng chính quyền 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026.

(6) Xem xét báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri thành phố tham gia vào nội dung kỳ họp.

1.3. Thực hiện hoạt động giám sát:

(1) Giám sát các văn bản trình kỳ họp.

(2) Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn.

1.4. Thực hiện một số nội dung quan trọng khác theo quy định.

2. Kỳ họp thường lệ cuối năm 2026

2.1. Xem xét, quyết nghị các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố:

(1) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2027.

(2) Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã thành phố Hải Phòng giai đoạn 2027-2030.

(3) Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2027 và giai đoạn 2027-2030.

(4) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2027.

(5) Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2027.

(6) Giao biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng năm 2027.

(7) Quy định một số chế độ cho thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu và mức thưởng, chế độ chi tiêu tài chính, đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(8) Thông qua danh mục các dự án, công trình phải thu hồi trên địa bàn thành phố.

(9) Thông qua danh mục các Dự án tổ chức thực hiện trước điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội.

(10) Thông qua danh mục các vị trí, khu đất được tổ chức thực hiện trước điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với

đất theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Nghị quyết 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội.

(11) Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(12) Quy định nội dung, nhiệm vụ chi thường xuyên thực hiện duy tu bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn thành phố (thay thế Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng cũ).

(13) Quy định khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(14) Thay thế Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng (cũ).

(15) Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(16) Đề án phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố trong giai đoạn 2026- 2030.

(17) Thông qua nội dung Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075.

(18) Quy định về điều kiện diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú vào chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn thành phố Hải Phòng (thay thế Nghị quyết số 16/2021/NQHĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Hải Dương).

(19) Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, tiêu chí về số lượng, thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hải Phòng (thay thế Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng).

(20) Nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân năm 2027.

(21) Nghị quyết về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của năm 2027.

2.2. Xem xét các báo cáo:

(1) Các báo cáo công tác năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, Thi hành án dân sự thành phố, Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vỹ.

(2) Các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2026 của Uỷ ban nhân dân

thành phố về: kinh tế - xã hội; thực hiện dự toán ngân sách nhà nước; đầu tư công; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân; trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri.

(3) Nghe thông báo của Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam thành phố về công tác tham gia xây dựng chính quyền năm 2026; phương hướng, nhiệm vụ năm 2027. Xem xét báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri thành phố tham gia vào nội dung kỳ họp.

2.3. Thực hiện hoạt động giám sát:

(1) Giám sát các văn bản trình kỳ họp.

(2) Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn.

2.4. Thực hiện một số nội dung quan trọng khác theo quy định.

III. THỜI GIAN

1. Kỳ họp thường lệ giữa năm dự kiến tổ chức vào đầu tháng 7/2026.

2. Kỳ họp thường lệ cuối năm dự kiến tổ chức vào đầu tháng 12/2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố chỉ đạo các cơ quan liên quan chuẩn bị và thực hiện các kỳ họp theo nội dung Kế hoạch này.

2. Ủy ban nhân dân thành phố

- Chỉ đạo cụ thể các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố chuẩn bị các nội dung trình các kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố năm 2026 bảo đảm đúng quy trình, thủ tục luật định và yêu cầu tiến độ thời gian.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố năm 2026 ngay sau khi ban hành.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, Cục Thi hành án dân sự thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham gia chuẩn bị và thực hiện các nội dung trình kỳ họp năm 2026 theo Kế hoạch chuẩn bị kỳ họp, Kế hoạch tiếp xúc cử tri do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:11 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026 (vốn nước ngoài đưa vào cân đối ngân sách trung ương)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài;

Xét Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026 (vốn nước ngoài đưa vào cân đối ngân sách trung ương); các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026 (vốn nước ngoài đưa vào cân đối ngân sách trung ương)

1. Tên dự án: Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Kế hoạch vốn được kéo dài: 4.000 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi nước ngoài và các quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không thất thoát, lãng phí ngân sách Nhà nước; chịu trách nhiệm về danh mục, mức vốn ngân sách được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân, bảo đảm giải ngân toàn bộ số vốn được kéo dài.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVII;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Kho bạc Nhà nước khu vực III;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo thành phố;
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, ĐT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:12 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày* 20 *tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về thông qua các dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố;

Xét Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông qua danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố; các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2026

1. Bổ sung 69 dự án, công trình phải thu hồi đất với tổng diện tích đất phải thu hồi là 1.909,5 ha.

2. Điều chỉnh 01 công trình, dự án trên địa bàn phường Chu Văn An về diện tích đất phải thu hồi.

(Chi tiết tại Phụ lục 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố

a) Chỉ đạo các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

b) Rà soát, xác định chính xác nhu cầu thực tế, vị trí, ranh giới, diện tích, nguồn gốc, hiện trạng và quá trình quản lý, sử dụng đất thuộc phạm vi các dự án, công trình; thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật, sau khi bảo đảm thuộc trường hợp thu hồi đất và đáp ứng đầy đủ các căn cứ, điều kiện theo quy định; có các biện pháp xử lý, khắc phục bảo đảm hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai, tính ổn định của các công trình liên quan trước thiên tai.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính pháp lý và tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ, đồng bộ của hồ sơ (thông tin, số liệu, các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan) và việc tổ chức thực hiện dự án, bảo đảm công khai, minh bạch, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm an ninh lương thực và bảo vệ môi trường, đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật, không làm thất thoát tài sản, ngân sách nhà nước, lãng phí đất đai.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các Bộ: NNMT, TC, XD, TP;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Uỷ ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP khoá XVII;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các Sở: NNMT, TC, XD , TP;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP;
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, ĐT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

Số: 12/NQ-HĐND; 20/04/2026; 8:15:28 +07:00

PHỤ LỤC 1: BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6)	(7)
(1)	**Dự án trên nhiều địa bàn**					
1	Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu (Hợp phần 1 - Xây dựng tuyến đường vành đai 3 và các cầu, công trình trên tuyến)	43,58		12,79	Phường Bạch Đằng	-Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 18/02/2026 của UBND thành phố về việc phê duyệt dự án.
				30,79	Phường Hòa Bình	
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08), đoạn qua thành phố Hải Phòng và 09km trên địa bàn tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) - Đoạn từ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến nút giao đường bộ ven biển	82,73		14,47	Xã Kiến Minh	- Quyết định số 5179/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.
				25,86	Xã Kiến Hải	
				8,19	Phường Nam Đồ Sơn	
				34,21	Phường Dương Kinh	
3	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Kiền Bái - Cao Nhân	40,88		33,00	Phường Thiên Hương	- Quyết định số 4412/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.
				7,88	Phường Lê Ích Mộc	
4	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hưng Đạo, Dương Kinh	11,68		8,98	Phường Hưng Đạo	- Quyết định số 4912/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND thành phố về chủ trương đầu tư Dự án.
				2,70	Phường Dương Kinh	

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
5	Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh	210,00		5,00	Xã Hợp Tiến	- Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án.
				39,00	Phường Lê Đại Hành	
				48,00	Xã Trần Phú	
				45,00	Phường Bắc An Phụ	
				73,00	Phường Nhị Chiểu	
6	Tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối QL.10 với đường vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ)	234,74		234,74	các xã, phường: An Dương, An Phong, Ái Quốc, Nam Đồng, Hà Bắc, Hà Đông, Hà Tây, Thanh Hà, Kim Thành	- Thông báo số 519/TB-VP ngày 18/9/2025 của Văn phòng UBND thành phố thông báo Kết luận của Tập thể lãnh đạo UBND thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo về phương án đầu tư tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối QL.10 với đường vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ); - Báo cáo số 233/BC-SXD ngày 24/9/2025 của Sở Xây dựng về phương án đầu tư tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối QL.10 với xành đai 1 thành phố Hải Dương cũ); - Thông báo số 30-TB/TU ngày 18/10/2025 của Thành ủy Hải Phòng đồng ý phương án đầu tư tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối Quốc lộ 10 với vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ); - Công văn số 2739/STC-QLĐTNNS ngày 31/3/2026 của Sở Tài chính về việc đầu tư xây dựng tuyến đường; - Công văn số 262/BQL-KT ngày 21/3/2026 của Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông Hải Phòng đề nghị trình danh mục các dự án phải thu hồi đất.
7	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Đồ Sơn, phường Nam Đồ Sơn	4,83		4,83	Phường Nam Đồ Sơn	- Quyết định số 4947/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về chủ trương đầu tư Dự án.
		12,00		12,00	Phường Đồ Sơn	

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
(2)	**Phường Tân Hưng**					
8	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Phi Khanh	0,11		0,11	Phường Tân Hưng	- Quyến định 1026/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND phường Tân Hưng Về việc phê duyệt chủ trương đầu tự dự án.
(3)	**Xã Hải Hưng**					
9	Mở rộng khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật trường THCS Đoàn Kết	1,06	0,63	0,43	Xã Hải Hưng	- Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND xã Hải Hưng Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
(4)	**Xã Nam An Phụ**					
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục xã Nam An Phụ (đoạn từ đường ĐH08 đi sang đường 389B)	0,60		0,60	Xã Nam An Phụ	- Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Nam An Phụ Về việc phê duyệt chủ trương dự án.
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục xã Nam An Phụ (đoạn từ đường 389 đến Cống Làng Tống Thượng, đoạn từ đường 389 đến Ngã 3 Nhà văn hóa Xạ Sơn và đoạn từ đường 389 đến Cổng Làng thôn Bến Thôn)	0,47		0,47	Xã Nam An Phụ	- Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND xã Nam An Phụ Về việc phê duyệt chủ trương dự án.
12	Khai thác khoáng sản mỏ cát san lấp, sét làm gạch ngói tại bãi sông Kinh Môn, xã Nam An Phụ	20,00		20,00	Xã Nam An Phụ	- Quyết định 3643/QĐ-UBND ngày 06/9/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ cát san lấp, sét làm gạch ngói tại bãi sông Kinh Môn, xã Nam An Phụ, thành phố Hải Phòng.
(5)	**Phường Lê Đại Hành**					
13	Dự án Xây dựng hệ thống DMS lưới điện áp khu vực Chí Linh, thành phố Hải Phòng năm 2026	0,01		0,01	Phường Lê Đại Hành	- Quyết định số 2800/QĐ-EVNNPC, ngày 8/12/2025 của Tổng Công ty Điện lực Miền bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2026 cho Công ty Điện lực Hải Phòng.

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
(6)	**Phường Thành Đông**					
14	Khu đô thị mới Tuệ Tĩnh, thành phố Hải Dương	24,98	24,90	0,08	Phường Thành Đông	- Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 về việc chấp thuận điều chỉnh dự án khu đô thị mới Tuệ Tĩnh, điều chỉnh lần 3; - Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án (điều chỉnh lần 5).
(7)	**Phường Đồ Sơn**					
15	Mở rộng diện tích khuôn viên Trường THPT Đồ Sơn, xây dựng nhà đa năng, cổng tường rào, trạm biến áp và các hạng mục phụ trợ	1,69	1,51	0,17	Phường Đồ Sơn	- Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Uỷ ban nhân dân phường Đồ Sơn phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; - Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 của Uỷ ban nhân dân quận Đồ Sơn phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án.
(8)	**Xã Kiến Thụy**					
16	Công trình: Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, xây dựng trường THCS Hữu Bằng - giai đoạn 2 để đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2	0,21		0,21	Xã Kiến Thụy	
17	Công trình: Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, xây dựng và cải tạo các hạng mục công trình trường Mầm non Hữu Bằng - giai đoạn 2 để đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	0,26		0,26	Xã Kiến Thụy	- Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của UBND xã Kiến Thụy về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
18	Dự án xây dựng xưởng sản xuất giày dép xuất khẩu tại xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy	2,58	1,92	0,66	Xã Kiến Thụy	- Quyết định số 2558/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; - Diện tích 0,65 ha đất không đủ điều kiện thoả thuận theo quy định tại khoản 2 Điều 127 Luật Đất đai để thực hiện thủ tục thu hồi đất.

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
(9)	**Phường Thiên Hương**					
19	Dự án đầu tư xây dựng cầu Lại Xuân và cải tạo, mở rộng đường tỉnh 352	31,11	29,04	2,07	P. Thiên Hương	- Các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư: số 2272/QĐ-UBND ngày 13/7/2022, số 2216/QĐ-UBND ngày 01/7/2024, số 1464/QĐ-UBND ngày 09/5/2025, số 3533/QĐ-UBND ngày 29/8/2025.
(10)	**Xã Vĩnh Am**					
20	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Chùa Mét đến đê Quốc Gia, xã Tam Cường cũ	0,24		0,24	Xã Vĩnh Am	- Quyết định số 882/QĐ - UBND ngày 04/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Am về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình.
21	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Bào đến đê Quốc Gia	0,50		0,50	Xã Vĩnh Am	- Quyết định số 884a/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Am về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình.
22	Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Hoa Phượng 2 tại xã Liên Am, huyện Vĩnh Bảo	0,51	0,48	0,03	Xã Vĩnh Am	- Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án; - Diện tích 0,02 ha đất không đủ điều kiện thoả thuận theo quy định tại khoản 2 Điều 127 Luật Đất đai để thực hiện thủ tục thu hồi đất.
(11)	**Xã Việt Khê**					
23	Dự án khai thác khoáng sản tại phía Đông núi Niêm Sơn Nội	22,67		22,67	Xã Việt Khê	- Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố; - Giấy phép khai thác khoáng sản số 654/GP-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố.
24	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân Phi Liệt	13,99	10,62	3,37	Xã Việt Khê	- Các Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư: số 59/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố, số 1190/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố. - Các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư: số 886/QĐ-UBND ngày 05/4/2023, số 4094/QĐ-UBND ngày 16/10/2025.

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
25	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ nghĩa trang Phi Liệt đi cống Phi Liệt	2,20	0,72	1,48	Xã Việt Khê	- Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 02/3/2026 của Uỷ ban nhân dân xã Việt Khê phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án.
(12)	**Phường Hưng Đạo**					
26	Dự án đầu tư xây dựng và mở rộng Trường Trung học phổ thông Mạc Đĩnh Chi - Giai đoạn 1	2,57	1,53	1,04	Phường Hưng Đạo	- Quyết định số 3408/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án ; - Quyết định số 4887/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của UBND thành phố về việc phê duyệt Dự án.
27	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển, đoạn từ đường Bùi Viện đến đường tỉnh 363	19,12	0,96	18,16	Phường Hưng Đạo	- Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Uỷ ban nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư.
(13)	**Xã An Lão**					
28	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Phan Hiền, thôn Hoàng Xá, xã An Lão, thành phố Hải Phòng	0,701	0,574	0,127	Xã An Lão	- Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã An Lão phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
29	Dự án Xây dựng trường Mầm non Sao Sáng, xã An Lão, thành phố Hải Phòng (Giai đoạn 1)	1,156	0,282	0,874	Xã An Lão	- Quyết định số 1497/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã An Lão phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
(14)	**Xã Vĩnh Bảo**					
30	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn Nam Tạ 1 (từ cầu Đồng Vỡ đến nhà ông Hải)	0,66	0,17	0,49	Xã Vĩnh Bảo	- Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của UBND xã về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
(15)	**Xã Kiến Hưng**					
31	Xây dựng đường giao thông kết nối từ đường 402 đến đường kết nối tỉnh lộ 354 (khu tưởng niệm các vua nhà Mạc)	0,48	0,08	0,41	Xã Kiến Hưng	- Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của UBND xã Kiến Hưng về chủ trương đầu tư Dự án.
32	Mở rộng, cải tạo tuyến đường từ thôn 5 lên khu đường đá, xã Kiến Hưng	0,64	0,33	0,31	Xã Kiến Hưng	- Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của UBND xã Kiến Hưng về chủ trương đầu tư Dự án.
(16)	**Phường Đông Hải**					
33	Dự án Đầu tư xây dựng trường Tiểu học và THCS Đông Hải 2 (Giai đoạn 1 công trình khối THCS)	1,96		1,96	Phường Đông Hải	- Quyết định 3615/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Uỷ ban nhân dân quận Hải An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án; - Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của Uỷ ban nhân dân quận Hải An về việc phê duyệt Dự án.
(17)	**Phường Hải An**					
34	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường GTCC khu Trung tâm hành chính quận Hải An (tuyến 5)	1,02	0,84	0,18	Phường Hải An	- Dự án được Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt danh mục dự án đầu tư tại Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; - Dự án được UBND quận Hải An (cũ) phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư tại các Quyết định số: 770/QĐ-UBND ngày 26/5/2011; số 158/QĐ-UBND ngày 04/02/2013; số 3008/QĐ-UBND ngày 19/6/2016; số 974/QĐ-UBND ngày 27/4/2018; số 65/QĐ-UBND ngày 10/01/2019. - Diện tích chưa GPMB: 0,18 ha đất ở trình chuyển tiếp để tiếp tục thực hiện dự án.
35	Dự án xây dựng tuyến đường giao thông công cộng 40m nối đường Lê Hồng Phong với tuyến đường trục chính rộng 100m (Lạch Tray - Hồ Đông) - giai đoạn 2	4,73	1,31	3,42	Phường Hải An	- Dự án được HĐND thành phố thông qua danh mục dthu hồi đất tại Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; - Dự án được UBND quận Hải An (cũ) phê duyệt dự án tại Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 21/5/2018; - Diện tích chưa GPMB 3,42 ha trình chuyển tiếp để tiếp tục thực hiện Dự án.

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
36	Dự án Đầu tư xây dựng Vườn hoa tại phường Đằng Hải, quận Hải An	0,65	0,57	0,08	Phường Hải An	- Dự án được HĐND thành phố phê duyệt danh mục dự án đầu tư tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 18/4/2023; - Dự án được UBND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 02/3/2023; phê duyệt dự án tại Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 31/3/2023; - Diện tích chưa giải phóng mặt bằng 0,08 ha đất trình chuyển tiếp để tiếp tục thực hiện Dự án.
37	Dự án Vườn hoa tại phường Thành Tô, quận Hải An	0,72		0,72	Phường Hải An	- Dự án được HĐND thành phố phê duyệt danh mục dự án phải thu hồi đất tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 28/5/2024 - Dự án được UBND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 24/01/2024; phê duyệt dự án tại Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 03/4/2024; điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Văn bản số 5321/VP-QH2 ngày 24/6/2025; - Diện tích 0,72 ha chưa giải phóng mặt bằng, trình chuyển tiếp để tiếp tục thực hiện dự án.
38	Dự án cải tạo, nâng cấp đường trước cửa Trường Trung học phổ thông Hải An	0,31	0,15	0,16	Phường Hải An	- Dự án được UBND quận Hải An (cũ) phê duyệt dự án tại Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 17/4/2023; - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Hải An có Văn bản số 13/BC-BQLDAKVHA ngày 30/01/2026 báo cáo Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND thành phố đồng ý điều chỉnh thời gian thực hiện dự án tại Văn bản số 1232/STC-ĐTTĐGS ngày 11/02/2026.
39	Dự án xây dựng Khu đô thị mới tại phường Tràng Cát	160,89		160,89	Phường Hải An	- Dự án được HĐND thành phố thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/4/2024; - Quyết định số 4527/QĐ-BQL ngày 18/9/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; - Dự án trình chuyển tiếp để tiếp tục thực hiện dự án.

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
40	Dự án đầu tư xây dựng Công viên Tượng đài chiến thắng Cát Bi tại Cảng hàng không Quốc tế Cát Bi, phường Hải An, thành phố Hải Phòng	2,68		2,68	Phường Hải An	- Quyết định số 3830/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. - Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của UBND thành phố phê duyệt dự án đầu tư.
41	Dự án Đầu tư xây dựng công viên văn hoá nghệ thuật và tưởng niệm anh hùng liệt sĩ phường Hải An	0,49		0,49	Phường Hải An	- Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Uỷ ban nhân dân phường Hải An về chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng công viên văn hoá nghệ thuật và tưởng niệm anh hùng liệt sĩ phường Hải An.
(18)	**Phường Phù Liễn**					
42	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An	28,26		28,26	Phường Phù Liễn	- Quyết định số 4932/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Dự án.
43	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư trên địa bàn phường Kiến An và phường Phù Liễn phục vụ các dự án trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030	25,00		25,00	Phường Phù Liễn	- Quyết định số 4914/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND thành phố về chủ trương đầu tư Dự án.
(19)	**Xã Kiến Hải**					
44	Xây dựng mới tòa nhà 03 tầng, trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	0,15		0,15	Xã Kiến Hải	- Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 21/11/2025 của Uỷ ban nhân dân xã Kiến Hải phê duyệt chủ trương đầu tư.

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
45	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐT. 361 (đoạn từ đường HL. 403 đến ngã tư thôn 6 nhà ông Hồng), xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	0,29	0,25	0,04	Xã Kiến Hải	- Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 21/11/2025 của Uỷ ban nhân dân xã Kiến Hải phê duyệt chủ trương đầu tư.
46	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08), đoạn qua thành phố Hải Phòng và 09km trên địa bàn tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) - Xây dựng cầu Văn Úc 2	2,22		2,22	Xã Kiến Hải	- Quyết định số 5178/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; - Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Dự án đầu tư.
47	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư tại xã Kiến Hải	113,80	1,30	112,50	Xã Kiến Hải	- Quyết định só 4915/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án.
48	Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp logistics thế hệ mới tại xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng	53,26		53,26	Xã Kiến Hải	- Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.
(20)	**Phường Hoà Bình**					
49	Đầu tư mở rộng Trường THCS Hòa Bình, phường Hòa Bình	0,45		0,45	Phường Hòa Bình	- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 1245/QĐ-UBND phê duyệt ngày 15/12/2025 của UBND phường Hoà Bình.
50	Dự án xây dựng sân thể thao phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng	1,02		1,02	Phường Hòa Bình	- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 348/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND phường Hoà Bình.
51	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại phường Hoà Bình	16,25		16,25	Phường Hòa Bình	- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 626/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND thành phố.

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
(21)	**Phường Nguyễn Đại Năng**					
52	Dự án khai thác khoáng sản tại Mỏ núi Một, phường Nguyễn Đại Năng, thành phố Hải Phòng	3,68		3,68	Phường Nguyễn Đại Năng	- Quyết định số 5482/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng đợt 1 năm 2026.
(22)	**Xã Chí Minh**					
53	Dự án khai thác khoáng sản tại Mỏ đất, cát làm vật liệu san lấp tại bãi bồi sông Thái Bình, xã Chí Minh	62,47		62,47	Xã Chí Minh	- Quyết định số 652/QĐ- UBND ngày 13/02/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng đợt 2 năm 2026.
(23)	**Phường Nguyễn Trãi**					
54	Khu vực đất, đá làm vật liệu san lấp đồi Bắc Nội, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Phòng	53,40		53,40	Phường Nguyễn Trãi	- Quyết định số 652/QĐ- UBND ngày 13/02/2026 của UBND thành phố Hải Phòng Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng đợt 2 năm 2026.
55	Dự án khai thác khoáng sản tại Mỏ đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực đồi Ba Khe phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Phòng	50,00		50,00	Phường Nguyễn Trãi	- Quyết định số 652/QĐ- UBND ngày 13/02/2026 của UBND thành phố Hải Phòng Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng đợt 2 năm 2026.
(24)	**Xã An Phú**					
56	Dự án khai thác khoáng sản tại Mỏ đất, cát làm vật liệu san lấp tại bãi bồi ngoài đê sông Kinh Thầy, xã An Phú	221,00		221,00	Xã An Phú	- Quyết định số 652/QĐ- UBND ngày 13/02/2026 của UBND thành phố Hải Phòng Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng đợt 2 năm 202.

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
(25)	**Phường Bắc An Phụ**					
57	Dự án khai thác khoáng sản tại Mỏ đất, cát làm vật liệu san lấp khu vực Tân Lập 2, phường Bắc An Phụ	30,47		30,47	Phường Bắc An Phụ	- Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; - Cung cấp vật liệu xây dựng cho dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng với khối lượng 91.781m3; bồi thường, hỗ trợ, xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng. Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng nằm trong danh mục thuộc đề án, dự án, công trình trọng điểm giai đoạn 2026-2030 tại số thứ tự số 39 , Mục C, Phụ lục 2, Chương trình hành động số 05-CTr-TU ngày 06/11/2025 của Thành Uỷ Hải Phòng.
(26)	**Phường Nhị Chiểu**					
58	Dự án khai thác khoáng sản tại Mỏ đất làm vật liệu san lấp đồi Thượng Trà, phường Nhị Chiểu	4,98		4,98	Phường Nhị Chiểu	- Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; - Cung cấp vật liệu xây dựng cho dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng với khối lượng 91.781m3; bồi thường, hỗ trợ, xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng. Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng nằm trong danh mục thuộc đề án, dự án, công trình trọng điểm giai đoạn 2026-2030 tại số thứ tự số 39 , Mục C, Phụ lục 2, Chương trình hành động số 05-CTr-TU ngày 06/11/2025 của Thành Uỷ Hải Phòng.
59	Dự án khai thác khoáng sản tại Phía Đông Bắc núi Cậy Sơn, phường Nhị Chiểu	5,00		5,00	Phường Nhị Chiểu	- Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
(27)	**Phường Nam Đồ Sơn**					
60	Dự án xây dựng Nhà văn hoá TDP Đại Phong	0,08		0,08	Phường Nam Đồ Sơn	- Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND phường Nam Đồ Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án; - Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của UBND phường Nam Đồ Sơn về việc phê duyệt Dự án.
61	Dự án đường dây và Trạm biến áp 110kV Vạn Hương, thành phố Hải Phòng	0,57		0,57	Phường Nam Đồ Sơn	- Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; - Quyết định số 1292/QĐ-EVNNPC ngày 09/6/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc phê duyệt Dự án; - Nghị quyết số 84/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về thông qua danh mục các dự án phải thu hồi đất; - Trình chuyển tiếp để thực hiện dự án.
(28)	**Xã Vĩnh Thịnh**					
62	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử, đồ chơi phục vụ thị trường xuất khẩu tại xã Vĩnh Thịnh	3,34	3,03	0,32	xã Vĩnh Thịnh	- Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của Uỷ ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án.
(29)	**Phường An Hải**					
63	Khu đất chân cầu vượt Nam cầu Bính, tại phường An Hải	70,00		70,00	Phường An Hải	- Thông báo số 519/TB-VP ngày 18/9/2025 của Văn phòng UBND thành phố thông báo Kết luận của Tập thể lãnh đạo UBND thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo về phương án đầu tư tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối QL.10 với đường vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ); - Thông báo số 30-TB/TU ngày 18/10/2025 của Thành ủy Hải Phòng đồng ý phương án đầu tư tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối Quốc lộ 10 với vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ); - Công văn số 2739/STC-QLĐTNNS ngày 31/3/2026 của Sở Tài chính về việc đầu tư xây dựng tuyến đường. - Khu đất đối ứng dự án BT.
64	Khu đất tiếp giáp với đường Nguyễn Trường Tộ, phường An Hải	138,00		138,00	Phường An Hải	

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
(30)	**Phường Hồng Bàng**					
65	Khu cạnh Sở Tài chính	1,80		1,80	Phường Hồng Bàng	- Thông báo số 519/TB-VP ngày 18/9/2025 của Văn phòng UBND thành phố thông báo Kết luận của Tập thể lãnh đạo UBND thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo về phương án đầu tư tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối QL.10 với đường vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ); - Thông báo số 30-TB/TU ngày 18/10/2025 của Thành ủy Hải Phòng đồng ý phương án đầu tư tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối Quốc lộ 10 với vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ); - Công văn số 2739/STC-QLĐTNNS ngày 31/3/2026 của Sở Tài chính về việc đầu tư xây dựng tuyến đường; - Khu đất đối ứng dự án BT.
66	Khu đất sau trường nghề xi măng và tiếp giáp với nhà máy cáp LS - Vina, phường Hồng Bàng	15,00		15,00	Phường Hồng Bàng	
(31)	**Phường An Dương**					
67	Khu đất tiếp giáp với khu đô thị Tràng Duệ, phường An Dương	26,00		26,00	Phường An Dương	- Thông báo số 519/TB-VP ngày 18/9/2025 của Văn phòng UBND thành phố thông báo Kết luận của Tập thể lãnh đạo UBND thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo về phương án đầu tư tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối QL.10 với đường vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ); - Thông báo số 30-TB/TU ngày 18/10/2025 của Thành ủy Hải Phòng đồng ý phương án đầu tư tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối Quốc lộ 10 với vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ); - Công văn số 2739/STC-QLĐTNNS ngày 31/3/2026 của Sở Tài chính về việc đầu tư xây dựng tuyến đường; - Khu đất đối ứng dự án BT.
68	Khu đất tiếp giáp với đường Nguyễn Trường Tộ, phường An Dương	25,00		25,00	Phường An Dương	

STT	Tên Dự án/công trình	Diện tích thực hiện Dự án (ha)	Trong đó		Địa điểm thực hiện (cấp xã)	Văn bản pháp lý có liên quan
			Diện tích đất hiện trạng (ha)	Diện tích thu hồi (ha)		
(32)	**Phường Thuỷ Nguyên**					
69	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị Thủy Đường - Thủy Sơn tại phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	76,80		76,80	Phường Thuỷ Nguyên	- Thông báo số 519/TB-VP ngày 18/9/2025 của Văn phòng UBND thành phố thông báo Kết luận của Tập thể lãnh đạo UBND thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo về phương án đầu tư tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối QL.10 với đường vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ); - Thông báo số 30-TB/TU ngày 18/10/2025 của Thành ủy Hải Phòng đồng ý phương án đầu tư tuyến đường kết nối Đông Tây thành phố Hải Phòng (nối Quốc lộ 10 với vành đai 1 thành phố Hải Dương cũ); - Công văn số 2739/STC-QLĐTNNS ngày 31/3/2026 của Sở Tài chính về việc đầu tư xây dựng tuyến đường; - Khu đất đối ứng dự án BT.
Tổng		**1.990,68**	**81,18**	**1.909,50**		

PHỤ LỤC 2: ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH PHẢI THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên Dự án/ Công trình	Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua		Điều chỉnh kỳ này	Căn cứ pháp lý	Lý do điều chỉnh
		Tên Nghị quyết	Nội dung			
1	Dự án khai thác khoáng sản Phía Bắc đồi Hố Đa, phường Chu Văn An	Nghị quyết 78/NQ-HĐND ngày 11/12/2025	Diện tích thu hồi là: 8ha	Diện tích thu hồi là: 10,5ha	- Quyết định số 4725/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản khu vực đất đồi làm vật liệu san lấp tại phía Bắc đồi Hố Đa, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng; - Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất đồi làm vật liệu san lấp phía Bắc đồi Hố Đa, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.	Cập nhật số liệu quy mô thực hiện dự án theo Quyết định số 4725/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Về việc dừng chủ trương đầu tư Dự án: Trụ sở làm việc Khối các sở, ban, ngành của tỉnh thuộc Khu hành chính tập trung tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án: Trụ sở làm việc Khối các sở, ban, ngành của tỉnh thuộc Khu hành chính tập trung tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Trụ sở làm việc Khối các sở, ban, ngành của tỉnh thuộc Khu hành chính tập trung tỉnh Hải Dương;

Xét Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dừng thực hiện chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng Khu hành chính tập trung tỉnh Hải Dương; Báo cáo thẩm tra của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dừng chủ trương đầu tư Dự án: Trụ sở làm việc Khối các sở, ban, ngành của tỉnh thuộc Khu hành chính tập trung tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Chỉ đạo Chủ đầu tư, các sở, ban, ngành thành phố và các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục thanh quyết toán đối với phần khối lượng đã thực hiện đảm bảo đúng quy định pháp luật sau khi thực hiện việc dừng chủ trương đầu tư Dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (*Quốc hội*);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng;
- TT Thành ủy, TT HĐND, UBND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:14 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Bãi bỏ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (trước hợp nhất)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1699/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Nghị quyết chấm dứt hiệu lực Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (trước hợp nhất); Báo cáo thẩm tra của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua Quy hoạch phát triển dịch vụ logistics thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (*Quốc hội*);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- TT Thành ủy, TT HĐND, UBND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:15 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày* 20 *tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 75/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất; số 96/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội; các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội

1. Địa điểm: 03 khu đất thực hiện Dự án thí điểm tại các phường: Ngô

Quyền, An Biên và Chu Văn An.

2. Tổng diện tích: 62.196,6 m^2; trong đó có 26.858,24 m^2 là đất trồng lúa.

(*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố

a) Chỉ đạo các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

b) Thực hiện trình tự, thủ tục triển khai các dự án theo đúng quy định của pháp luật sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chí về thực hiện dự án thí điểm, tổ chức kinh doanh bất động sản; bảo đảm phù hợp với các quy hoạch có liên quan, không chồng lấn, trùng lặp với các dự án đang có hiệu lực.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT, XD, TC, TP;
- Ngân hàng Nhà nước;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVII;
- Các sở: NN&MT, XD, TC, TP;
- NHNN CN KV 6;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo thành phố;
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, ĐT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

PHỤ LỤC: DANH MỤC KHU ĐẤT DỰ KIẾN THỰC HIỆN DỰ ÁN THÍ ĐIỂM
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 171/2024/QH15 NGÀY 30 THÁNG 11 NĂM 2024 CỦA QUỐC HỘI
(kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký thực hiện dự án	Tổng diện tích (m^2)	Vị trí khu đất	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Hình thức thực hiện Dự án		Thời hạn, tiến độ thực hiện	Ghi chú
					Dự án nhận quyền sử dụng đất	Dự án đang có quyền sử dụng đất		
1	Công ty cổ phần vận tải và cung ứng xăng dầu; địa chỉ: số 66 Trần Khánh Dư, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	5.440,0	Số 64-66 Trần Khánh Dư, phường Ngô Quyền; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 813095 ngày 12/9/2022, đất trụ sở văn phòng và nhà kho, thuê trả tiền hàng năm, thời hạn đến tháng 9/2032	75,76		X	24 tháng kể từ ngày quyết định chuyển mục đích sử dụng đất	
2	Công ty cổ phần kinh doanh hàng xuất khẩu Hải Phòng; địa chỉ: số 746 Nguyễn Văn Linh, phường An biên, thành phố Hải Phòng	26.108,0	Số 746 đường Nguyễn Văn Linh, phường An Biên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 877914 ngày 31/12/2013, đất xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh, thuê trả tiền hàng năm, thời hạn đến 15/10/2033	1.075,00		X	24 tháng kể từ ngày quyết định chuyển mục đích sử dụng đất	Liên danh với Công ty cổ phần Tập đoàn HSB Holding; địa chỉ: Số 89 Hùng Vương, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai
3	Công ty cổ phần Địa ốc Thành Đông; địa chỉ: số 348 Nguyễn Thái Học, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng	30.648,6	Phường Chu Văn An, trong đó diện tích đất trồng lúa là 26.858,24 m^2	136,00	X		24 tháng kể từ ngày quyết định giao đất, cho thuê đất	Sơ đồ vị trí, ranh giới ban hành kèm theo Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 02/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố
	Tổng cộng	**62.196,6**		**1.286,76**	**1**	**2**		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:16 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày* 20 *tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024;

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng và các hồ sơ kèm theo; các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê

1. Tổ chức đề nghị: Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Thuận Thiên.

2. Địa chỉ khu rừng: Đông núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê.

3. Diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng: 10,88 ha.

4. Phân theo loại rừng, nguồn gốc, loài cây

a) Loại rừng: Rừng phòng hộ;

b) Nguồn gốc: Rừng trồng;

c) Loài cây chính: Keo, Bạch đàn.

5. Vị trí trên bản đồ hiện trạng rừng: Tại các lô: 23, 24, 26, 33, 33a, 35, 38, 38a, 39, 40, 44, 47, 49, 49a, 51, 55, 55a, 58, 60, 60a, 60b, 61, 64, 74, 76, 79, 79a, 79b, 81, 82, 84, 89, 93, 94, 94a, 97, 99, 107, 107a, 109, 109a, 111, 111a, 122, 123 và 124, khoảnh 8, tiểu khu 11482, xã Việt Khê.

6. Chủ quản lý: Ủy ban nhân dân xã và các hộ gia đình, cá nhân chủ rừng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố

a) Chỉ đạo các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

b) Rà soát, xác định chính xác ranh giới, diện tích thuộc phạm vi hoạt động khai thác; thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế, khai thác tận dụng lâm sản sau khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo đúng quy định của pháp luật; đồng bộ, thống nhất với chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, giao đất; có các biện pháp xử lý, khắc phục bảo đảm hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai, tính ổn định của các công trình liên quan trước thiên tai.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính pháp lý và tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ, đồng bộ của hồ sơ (số liệu, kết quả thẩm định, các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan) và việc tổ chức thực hiện dự án, bảo đảm công khai, minh bạch, sử dụng đất, rừng tiết kiệm, an toàn, hiệu quả, đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật, không làm thất thoát tài sản, ngân sách nhà nước, lãng phí đất đai.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: NNMT, XD, TC, TP;
- TTTU, TT HĐND TP, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khoá XVII;
- Các VP: TU, ĐĐBQH và HĐND, UBND TP;
-Các Sở: NNMT, XD, TC, TP;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND xã Việt Khê;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP;
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, ĐT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thống nhất giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh là cơ quan chủ quản thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp cầu Đá Bạc trên tuyến Quốc lộ 10

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 5080/UBND-XDMT ngày 31 tháng 12 tháng 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Dự án cải tạo, nâng cấp cầu Đá Bạc trên tuyến Quốc lộ 10;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh là cơ quan chủ quản thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp cầu Đá Bạc trên tuyến Quốc lộ 10; Báo cáo thẩm tra của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất chủ trương giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh là cơ quan chủ quản thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp cầu Đá Bạc trên tuyến Quốc lộ 10.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh thực hiện các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai thực hiện Dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (*Quốc hội*);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng;
- TT Thành ủy, TT HĐND, UBND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Văn Hiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026 (lần 3 sau hợp nhất)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026 (lần 3 sau hợp nhất); Báo cáo thẩm tra của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh đưa một số khu đất ra khỏi Danh mục khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026.

(*Chi tiết theo Phụ lục số 01 kèm theo*)

Điều 2. Thông qua Danh mục bổ sung khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026 (lần 3).

(*Chi tiết theo Phụ lục số 02 kèm theo*)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết. Chỉ tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, đấu thầu và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (*Quốc hội*);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT Thành ủy, TT HĐND, UBND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiệu

PHỤ LỤC I

Điều chỉnh đưa một số khu đất ra khỏi Danh mục khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích (*ha*)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố	Ghi chú
1	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở xã hội tại Khu dân cư phường Ngọc Châu	Phường Hải Dương	1,08	Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	
2	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở xã hội tại Lô đất 1-C2 thuộc Dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecoriver)	Phường Tân Hưng	2,99	Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	
3	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở xã hội tại phân khu 4 thuộc Dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecoriver)	Phường Tân Hưng	3,27	Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	
4	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp và nhà ở chung cư cho công nhân trên địa bàn thành phố tại Dự án Khu đô thị mới phía Đông thành phố Chí Linh	Phường Trần Hưng Đạo	2,89	Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	
5	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở công nhân thuộc quy hoạch Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng	Xã Mao Điền	4,46	Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	
6	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở xã hội thuộc Khu phố thương mại dịch vụ Ghẽ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng	Xã Mao Điền	1,12	Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích (*ha*)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố	Ghi chú
7	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ỏ xã hội tại phường Hòa Bình, thành phố Thủy Nguyên	Phường Hòa Bình	16	Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 21/02/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
8	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Nhà ở xã hội tại xã Đặng Cương	Phường An Dương	7,7	Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 03/1/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
9	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Chung cư cao tầng nhà ở xã hội tại xã An Đồng	Phường An Hải	5,6	Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 03/1/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
10	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Nhà ở xã hội tại xã Nam Sơn	Phường An Dương	1,8	Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 03/1/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
11	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Nhà ở xã hội tại xã Đồng Thái	Phường An Dương	11,7	Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 03/1/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
12	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Nhà ở xã hội (dự án thiết chế công đoàn tại Hải Phòng) tại xã Lê Lợi	Phường An Dương	4,8	Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 03/1/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
13	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở xã hội tại đầm Bắc Giang, phường Hùng Vương	Phường Hồng Bàng	6,5	Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 03/1/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
14	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu dân cư mới ven sông Cầu Sái	Xã An Thành	10,71	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	

PHỤ LỤC II

Bổ sung Danh mục khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất	Địa điểm	Diện tích (ha)	Kế hoạch dự kiến	Tiến độ dự kiến	Ghi chú
Danh mục khu đất đề xuất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026						
1	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện *(02 vị trí)*	Xã Nam Thanh Miện	Khoảng 8,88	2025-2026	180 ngày	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:20 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 54/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030";

Căn cứ Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu hoàn thành nhà ở xã hội trong năm 2025 và các năm tiếp theo đến năm 2030 để các địa phương bổ sung vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội cho các địa phương giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý

nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông qua nội dung điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021 -2030 với một số nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu phát triển nhà ở:

- Phát triển nhà ở phải bảo đảm tính liên kết, thống nhất giữa các khu vực động lực và các khu vực khác trong thành phố. Việc phát triển nhà ở cần được gắn kết chặt chẽ với định hướng điều chỉnh Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

- Bảo đảm công bằng trong tiếp cận nhà ở, đáp ứng tốt nhu cầu về diện tích và chất lượng không gian sống. Thúc đẩy tiến độ cải tạo, xây dựng lại các khu nhà ở, chung cư cũ xuống cấp, nguy hiểm để bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của người dân.

- Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở phù hợp với nhu cầu thực tiễn và khả năng chi trả của từng nhóm đối tượng; lồng ghép hiệu quả với các chương trình mục tiêu quốc gia về nhà ở.

- Phát triển thị trường bất động sản nhà ở bền vững, minh bạch dưới sự điều tiết, giám sát của Nhà nước, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; hạn chế tình trạng đầu cơ, lãng phí tài nguyên đất trong phát triển nhà ở.

- Ưu tiên phát triển các dự án nhà ở quy mô lớn, hiện đại, thông minh, bền vững; phát triển các dự án nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại, logistics, du lịch sinh thái; phát triển nhà ở theo mô hình TOD (phát triển định hướng giao thông công cộng).

- Phát triển các dự án nhà ở đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, xã hội và kết nối thống nhất với các công trình tại khu vực xung quanh dự án. Phát triển nhà ở bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường…; khuyến khích phát triển nhà ở xanh, nhà ở thông minh, sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu thân thiện môi trường, công nghệ tiên tiến, hiện đại.

2. Điều chỉnh chỉ tiêu phát triển nhà ở:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng (mới) giai đoạn 2021 - 2030		
			Chỉ tiêu	Phân bổ các giai đoạn	
				Hiện trạng năm 2025 *(2021-2025)*	Giai đoạn đến năm 2030 *(2026-2030)*
	Diện tích bình quân	*m^2 sàn /người*	**37,17**	**31,09**	**37,17**
1	Khu vực đô thị		38,95	32,46	38,95
	Khu vực nông thôn		33,01	29,92	33,01
2	**Diện tích bình quân tối thiểu**		**12**	**10**	**12**
	Chất lượng nhà ở	%			
3	Nhà ở kiên cố và bán kiên cố		100	100	100
	Nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ		-	-	-
4	**Tổng diện tích sàn**	m^2 sàn	**203.691.600**	**144.896.000**	**203.691.600**
	Tổng diện tích sàn tăng thêm		98.273.905	39.478.305	58.795.600
	Nhà ở thương mại		42.979.750	7.524.844	35.454.906
	Nhà ở xã hội		5.096.811 *(72.812 căn)*	1.000.440 *(16.679 căn)*	4.096.371 *(56.133 căn)*
5	Nhà ở công vụ		0	0	0
	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng *(bao gồm nhà ở xây trên đất tái định cư và nhà ở trong dự án phát triển nhà ở do người dân tự xây)*		50.197.344	30.953.021	19.244.323

3. Các giải pháp thực hiện: Gồm 08 nhóm giải pháp chính được nêu cụ thể trong Điều chỉnh Chương trình, bao gồm:

- Hoàn thiện thể chế, chính sách về nhà ở

- Quy hoạch, phát triển quỹ đất

- Nâng cao năng lực phát triển nhà ở theo dự án

- Phát triển nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương

- Nguồn vốn và thuế

- Phát triển thị trường bất động sản

- Cải cách thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư

- Các nhóm giải pháp khác.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

4

1. Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng đến năm 2020, năm 2025 và năm 2030.

2. Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng đến năm 2020, năm 2025 và năm 2030.

3. Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022-2030.

4. Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022 - 2030 và định hướng đến năm 2045.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khoá XVII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các VP: QH, CP;
- Các Bộ: XD, TC, NNMT;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVII;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TTĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP;
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Văn Hiệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:10 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh, bổ sung (lần 1) Kế hoạch đầu tư công năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2026; các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2026

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2026 cho các dự án.

(*chi tiết tại các Phụ lục I, II, III, IV, V kèm theo)*

2. Gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án đã vượt quá thời gian theo quy định đối với các dự án bố trí vốn năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công, các quy định liên quan đến sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố

giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- BTL QK3;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVII;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Kho bạc Nhà nước khu vực III;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo thành phố;
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, ĐT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

PHỤ LỤC I: TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Tăng/Giảm (+/-)
		Đã giao tại Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/12/2025	Điều chỉnh kỳ này	
I	**Nguồn ngân sách**	**36.791.500**	**36.780.680**	**-10.820**
1	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	6.114.700	6.114.700	0
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	28.960.000	28.960.000	0
3	Nguồn xổ số kiến thiết	123.000	123.000	0
4	Vốn vay, bao gồm:	1.367.800	1.367.800	0
-	*Vay lại ODA*	*273.800*	*273.800*	0
-	*Trái phiếu Chính quyền địa phương*	*1.094.000*	*1.094.000*	0
5	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	50.000	39.180	-10.820
6	Chi từ nguồn thoái vốn doanh nghiệp nhà nước	176.000	176.000	0

PHỤ LỤC II: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Tăng/Giảm (+/-)
		Đã giao tại Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/12/2025	Điều chỉnh kỳ này	
I	**Nguồn ngân sách thành phố**	**36.791.500**	**36.780.680**	**-10.820**
1	Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất và tiền thuê đất	1.050.000	1.050.000	0
2	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới và nguồn cấp dưới được điều tiết	6.166.027	6.166.027	0
2.1	*Chi đầu tư từ nguồn ngân sách cấp dưới được điều tiết và đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh phí giải phóng mặt bằng*	*2.641.294*	*2.641.294*	0
2.3	*Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã*	*3.524.733*	*3.524.733*	0
3	Các dự án Xây dựng nông thôn mới thành phố quản lý	570.106	570.106	0
4	Cấp vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi	1.000.000	1.000.000	0
5	Bố trí vốn cho các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (đoạn qua địa bàn Hải Phòng)	3.803.701	3.803.701	0
6	Bố trí vốn cho các dự án thành phố quản lý	22.362.091	22.351.812	-10.279
7	Tiết kiệm 5% theo chỉ đạo của Trung ương	1.839.575	1.839.034	-541

PHỤ LỤC III: DANH MỤC BÁO CÁO NHU CẦU BỐ TRÍ VỐN ODA VAY LẠI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư						Luỹ kế vốn đã bố trí hết năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ODA vay lại		Ghi chú
			Tổng cộng	NSTW		NSTP			Tổng cộng	NSTP	Tổng số	ODA vay lại	
				Tổng số	ODA cấp phát	Tổng số	ODA vay lại	NSTP bố trí					
	TỔNG SỐ		**9.908.168**	**1.962.101**	**1.962.101**	**7.946.067**	**4.578.235**	**3.367.832**	**35.000**	**35.000**	**238.933**	**238.933**	
1	Dự án Phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu, vay vốn WB	679/QĐ-UBND, 18/02/2026	9.908.168	1.962.101	1.962.101	7.946.067	4.578.235	3.367.832	35.000	35.000	238.933	238.933	

PHỤ LỤC IV: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN TRƯỚC SANG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư					Lũy kế vốn giải ngân đến hết 31/01/2026				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2026							
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Kế hoạch vốn đã giao			Kế hoạch vốn điều chỉnh				
			Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:		Chênh lệch (Tăng/Giảm)	
				NSTW trong nước				NSTW trong nước				Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật		Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Tăng	Giảm
	CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ		**12.013.430,664**	**213.156,000**	**11.028.928,664**	**771.346,000**	**6.669.474,208**	**213.025,587**	**5.800.392,648**	**656.055,974**	**2.876.627,820**	**2.869.376,916**	**7.250,904**	**2.814.360,674**	**2.775.181,281**	**39.179,393**	**122.903,011**	**-185.170,157**
1	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, Trường Tiểu học Hồng Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	100/QĐ-STC, 30/1/2026	5.002,409		2,409	5.000,000	1.250,000			1.250,000	4.350,904	600,000	3.750,904	3.752,409	2,409	3.750,000		-598,495
2	Xây dựng Nhà đa năng Trường Mầm non Nghĩa An, huyện Ninh Giang	101/QĐ-STC, 30/01/2026	5.057,338		57,338	5.000,000	1.500,000			1.500,000	4.000,000	500,000	3.500,000	3.557,338	57,338	3.500,000		-442,662
3	Dự án đường nối từ đường Nguyễn Lương bằng với đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An	600/QĐ-UBND, 08/3/2023; 4122/QĐ-UBND, 12/11/2024; 2556/QĐ-UBND, 30/6/2025	408.018,00		408.018,00		377.512,412		377.512,412		31.814,918	31.814,918		11.814,918	11.814,918			-20.000,000
4	Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện	709/QĐ-UBND, 21/3/2023; 3247/QĐ-UBND, 16/9/2024; 4416/QĐ-UBND, 04/11/2025	8.593.119,000	0,000	8.593.119,00		3.679.107,48		3.679.107,48		2.810.829,000	2.810.829,000		2.659.000,000	2.659.000,000			-151.829,000
5	Xây dựng hệ thống thoát nước từ đường Phan Đăng Lưu qua đường Hoàng Quốc Việt ra sông Lạch Tray	531/QĐ-UBND, 03/4/2023	46.715,79		46.715,79		35.525,26		35.525,26		6.000,000	6.000,000		1.000,000	1.000,000			-5.000,000
6	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại tổ dân phố Phương Khê, phường Đồng Hòa, quận Kiến An	2266/QĐ-UBND, 12/7/2022; 452/QĐ-UBND, 21/02/2025	86.971,00		86.971,00		45.473,00		45.473,00		10.602,500	10.602,500		5.602,500	5.602,500			-5.000,000
7	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Nhội, phường Văn Đẩu	781/QĐ-UBND, 17/4/2025	14.500,00		14.500,00		12.513,47		12.513,47		1.986,529	1.986,529		1.386,529	1.386,529			-600,000
8	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Quy, phường Bắc Hà	789/QĐ-UBND, 17/4/2025	19.850,71		19.850,71		14.206,93		14.206,93		5.643,776	5.643,776		4.143,776	4.143,776			-1.500,000
9	Cải tạo, nâng cấp đường Đầu Phượng, phường Văn Đẩu	780/QĐ-UBND, 17/4/2025	3.941,65		3.941,65		2.541,45		2.541,45		1.400,193	1.400,193		1.200,193	1.200,193			-200,000
10	Bảo tồn Khu di tích lịch sử - văn hóa Côn Sơn - Kiếp Bạc gắn với phát triển du lịch	3424/QĐ-UBND, 26/12/2024; 4748/QĐ-UBND, 25/11/2025	180.618,000	100.000,000	80.618,000	0,000	100.000,000	100.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		80.618,000	80.618,000		80.618,000	
11	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư - tái định cư thôn Mậu Tân, xã Cẩm Hưng	660/QĐ-STC, 28/11/2025	12.593,048		12.593,048		12.312,036		12.312,036		0,000	0,000		281,012	281,012		281,012	
12	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Kim Tân, huyện Kim Thành	3241/QĐ-UBND, 31/10/2024	27.497,916		27.497,916		23.574,000		23.574,000		0,000	0,000		1.200,000	1.200,000		1.200,000	
13	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất rươi, cáy và nuôi trồng thủy sản tại xã Liên Hòa, huyện Kim Thành	1177/QĐ-UBND, 17/4/2025	16.608,000		16.608,000		12.982,000		12.982,000		0,000	0,000		686,000	686,000		686,000	

STT	Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư					Lũy kế vốn giải ngân đến hết 31/01/2026				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2026							
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Kế hoạch vốn đã giao			Kế hoạch vốn điều chỉnh				
			Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:		Chênh lệch (Tăng/Giảm)	
				NSTW trong nước				NSTW trong nước				Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật		Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Tăng	Giảm
14	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	955/QĐ-BQL, 20/12/2010; 2584/QĐ-UBND, 27/12/2013; 2131/QĐ-UBND, 02/8/2021; 4525/QĐ-UBND, 03/12/2024	2.284.038,000	113.156,00	1.409.536,00	761.346,00	2.072.813,862	113.025,587	1.306.482,301	653.305,974				31.929,393		31.929,393	31.929,393	
15	Đầu tư xây dựng Trường Mầm non Bắc Sơn (cơ sở 2)	2349/QĐ-UBND, 25/10/2023	14.925,20		14.925,20		14.050,00		14.050,00		0,000	0,000		100,000	100,000		100,000	
16	Xây dựng hoàn thiện Trường Mầm non Bắc Sơn (cơ sở 2)	686/QĐ-UBND, 06/5/2024	8.249,82		8.249,82		7.780,00		7.780,00		0,000	0,000		100,000	100,000		100,000	
17	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng Trường Tiểu học Đồng Hòa	3295/QĐ-UBND, 11/12/2023	14.967,42		14.967,42		12.777,50		12.777,50		0,000	0,000		200,000	200,000		200,000	
18	Xây dựng nhà lớp học, chức năng 2 tầng trên móng 4 tầng Trường THCS Bắc sơn và các hạng mục phụ trợ	3296/QĐ-UBND, 11/12/2023	14.988,69		14.988,69		13.970,00		13.970,00		0,000	0,000		100,000	100,000		100,000	
19	Xây dựng tầng 3, tầng 4 nhà lớp học chức năng 04 tầng Trường THCS Bắc sơn và các hạng mục phụ trợ	2969/QĐ-UBND, 12/12/2024	14.900,18		14.900,18		11.670,00		11.670,00		0,000	0,000		150,000	150,000		150,000	
20	Xây dựng nhà lớp học, chức năng 02 tầng trên móng 04 tầng Trường Tiểu học Ngọc Sơn và các hạng mục phụ trợ	2970/QĐ-UBND, 12/12/2024	14.880,87		14.880,87		14.240,00		14.240,00		0,000	0,000		300,000	300,000		300,000	
21	Mở rộng, nâng cấp hạ tầng giao thông tại nút giao thông ngã 5 Kiến An đoạn từ đường Trần Tất Văn đến đường Nguyễn Lương Bằng, quận Kiến An	424/QĐ-UBND, 27/3/2024	6.034,92		6.034,92		5.887,42		5.887,42		0,000	0,000		100,000	100,000		100,000	
22	Đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Văn Đẩu	158/QĐ-UBND, 01/02/2024	129.442,72		129.442,72		124.595,23		124.595,23		0,000	0,000		38,606	38,606		38,606	
23	Vườn hoa hồ Hạnh Phúc, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An	2679/QĐ-UBND, 06/9/2023	79.970,00		79.970,00		63.861,65		63.861,65		0,000	0,000		7.000,000	7.000,000		7.000,000	
24	Vườn hoa phường Nam Sơn, quận Kiến An	2938/QĐ-UBND, 28/9/2023; 884/QĐ-UBND, 12/03/2025	10.540,00		10.540,00		9.330,50		9.330,50		0,000	0,000		100,000	100,000		100,000	

PHỤ LỤC V: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân đến hết 31/01/2026		Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2026				
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó	Kế hoạch vốn đã giao		Kế hoạch vốn điều chỉnh		Tăng
			Tổng số	Ngân sách thành phố		Ngân sách thành phố	Tổng số	Ngân sách thành phố	Tổng số	Ngân sách thành phố	
	TỔNG SỐ		**844.202,959**	**844.192,959**	**7.060,000**	**7.060,000**	**0,000**	**0,000**	**51.988,428**	**51.988,428**	**51.988,428**
1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến đê Hữu Kinh Thày, đê Hữu Đá Bạc, thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng	46/QĐ-UBND, 07/01/2026	356.659,009	356.659,009	2.900,00	2.900,00	0,00	0,00	12.000,000	12.000,000	12.000,000
2	Dự án đầu tư xây dựng các cống dưới đê xung yếu, thành phố Hải Phòng	47/QĐ-UBND, 07/01/2026	449.264,000	449.264,000	4.160,00	4.160,00	0,00	0,00	12.950,000	12.950,000	12.950,000
3	Cầu qua sông Bến Vạn nối từ phường Thành Đông đến xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng	665/QĐ-UBND, 13/02/2026	16.279,950	16.269,950	0,00	0,00	0,00	0,00	5.288,428	5.288,428	5.288,428
4	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng nhà ở cán bộ khu 2 tầng Ủy ban nhân dân huyện (nay là đặc khu Bạch Long Vĩ)	723/QĐ-UBND, 02/3/2026	6.000,00	6.000,00					5.750,000	5.750,000	5.750,000
5	Dự án quản lý theo chế độ mật		16.000,00	16.000,00					16.000,00	16.000,00	16.000,00

VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG XUẤT BẢN

Địa chỉ: Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố, Khu đô thị Bắc sông Cấm, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;

Điện thoại: 0225.3747.351-Fax: 0225.3821.055;

Email: congbaohp@haiphong.gov.vn;